Ngày tôi rời khỏi thành phố

Den dagen jeg dro hjemmefra for å dra til byen

- Lesley Koyi, Ursula Nafula
- Brian Wambi
- Nana Trang
- vietnamesisk / bokmål
- nivå 3

(uten bilder)

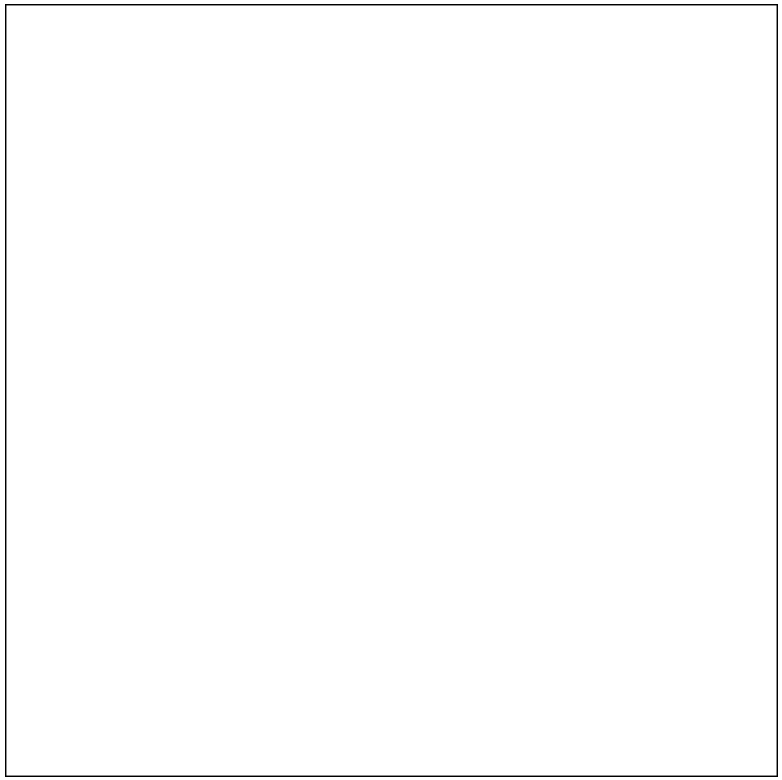

Một chiếc xe bus nhỏ đỗ tại làng tôi. Mọi người trong làng chen chúc và chen lấn nhau. Có rất nhiều thứ cần được cho lên xe. Người kiểm vé đang la tên những điểm tới của xe họ.

. . .

Den lille busstasjonen i landsbyen min var travel og stappfull av busser. På bakken var det flere ting som skulle lastes. Medhjelpere ropte navnene på stedene dit bussene gikk.

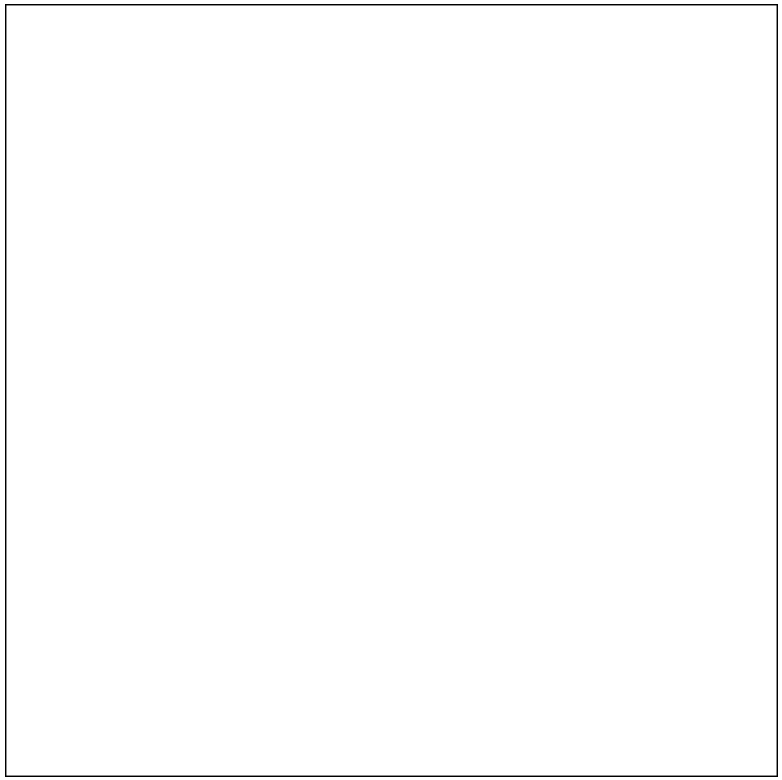

“Đi về thành phố! Đi về thành phố! Đi về phía Tây!” Tôi nghe tiếng gọi từ chiếc xe buýt tôi cần đi.

. . .

“Byen! Byen! Vestover!” hørte jeg en medhjelper rope. Det var bussen jeg måtte ta.

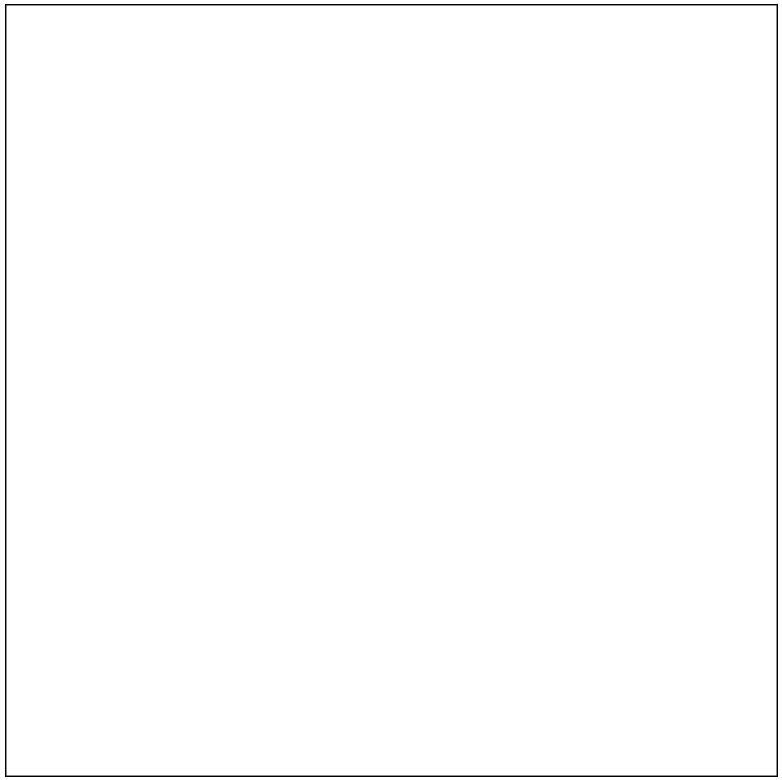

Xe đi thành phố đã gần đầy, nhưng nhiều người vẫn muốn lên. Vài người đã chất đồ vào gầm xe. Những người còn lại sử dụng ngăn để đồ phía trên ghế.

. . .

Bussen til byen var nesten full, men flere folk dyttet for å komme om bord. Noen plasserte bagasjen sin i bagasjerommet under bussen. Andre la den på hyllene inne i bussen.

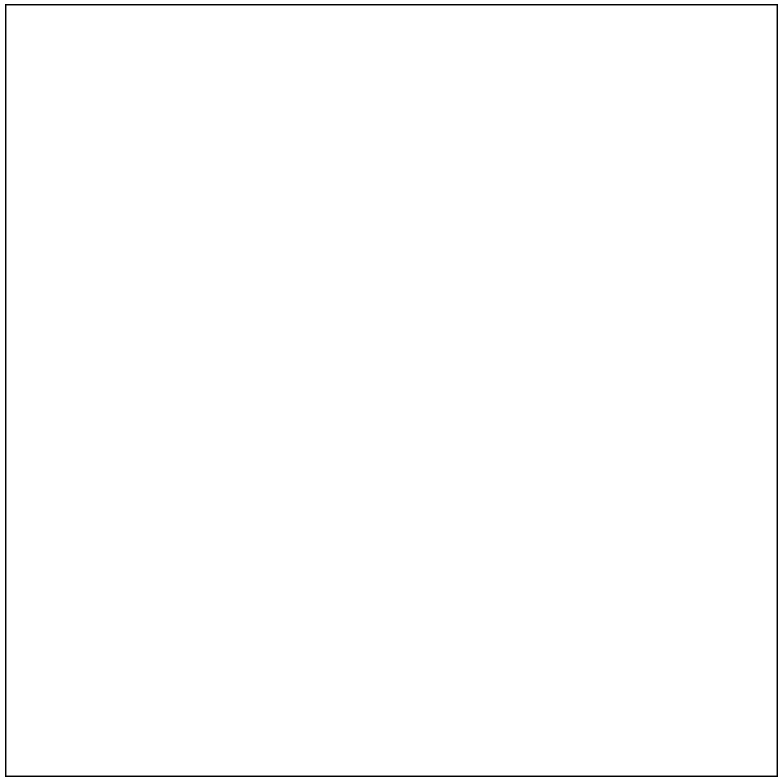

Những người hành khách mới đến nắm chặt vé trong tay, tìm chỗ để ngồi. Những người phụ nữ và trẻ nhỏ đã yên vị.

. . .

Nye passasjerer klamret seg til billettene sine mens de så etter et sted å sitte siden det var trangt om plassen. Kvinner med unge barn la til rette for dem så de skulle få det behagelig under den lange reisen.

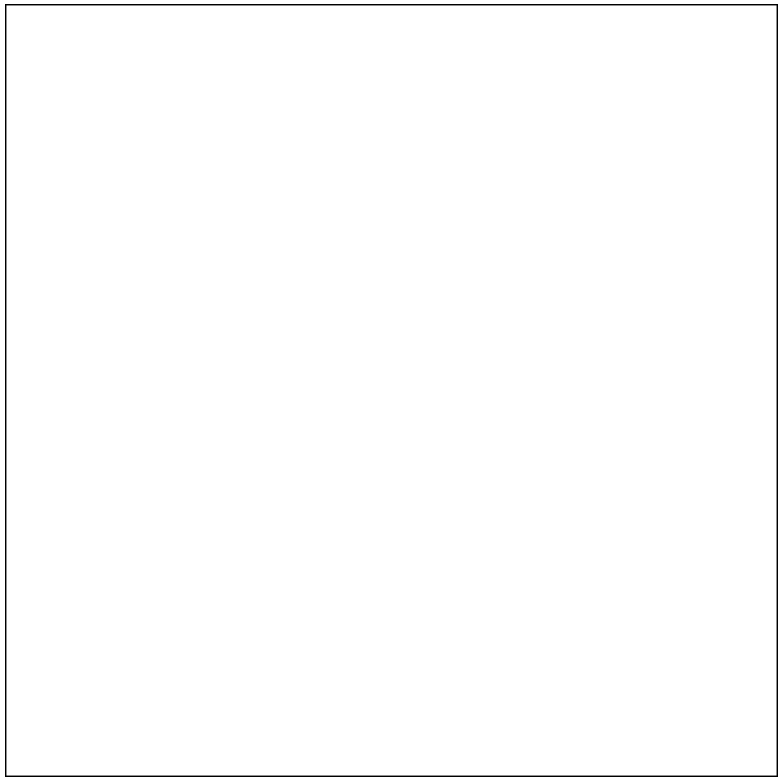

Tôi chen vào một chỗ gần cửa sổ. Một người ngồi kế tôi giữ chặt chiếc túi xanh cuả anh ta. Anh ta mang đôi xăng đan cũ kĩ, một chiếc áo khoác sờn và anh trông không được thoái mái lắm.

. . .

Jeg presset meg inn ved siden av et vindu. Personen som satt ved siden av meg holdt hardt om en grønn plastpose. Han hadde på seg gamle sandaler, en utslitt frakk, og han så nervøs ut.

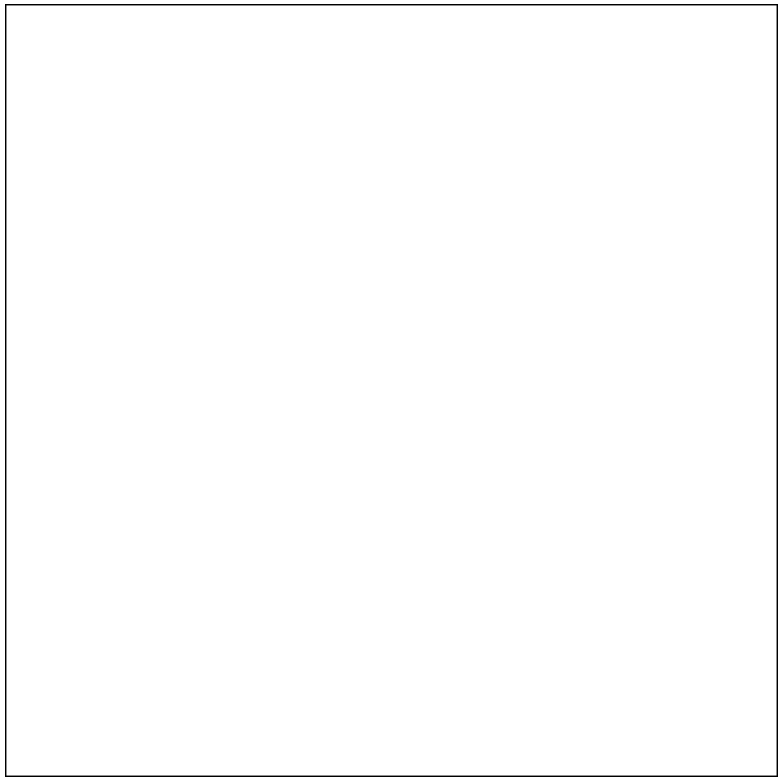

Tôi nhìn ra ngoài và nhận ra tôi đang rời khỏi làng, nơi tôi đã lớn lên. Tôi đang đi về phía thành phố lớn.

. . .

Jeg så ut av bussen og innså at jeg var i ferd med å forlate landsbyen min, stedet hvor jeg hadde vokst opp. Jeg skulle dra til den store byen.

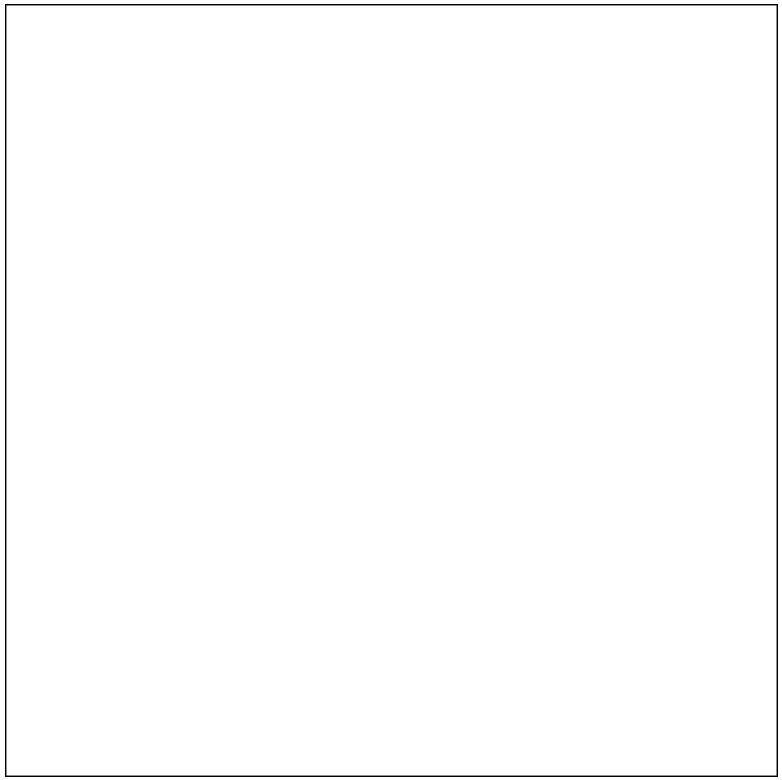

Mọi hành khách đã có được chỗ ngồi. Những người bán hàng rong chen chân lên xe để rao hàng, rao lên những thứ họ bán. Nghe thật vui tai.

. . .

Lastingen av bagasjen var ferdig og alle passasjerene hadde satt seg. Gateselgere presset seg fortsatt inn i bussen for å selge varene sine til passasjerene. Alle ropte navnene på det de hadde til salgs. Jeg syntes ordene hørtes merkelige ut.

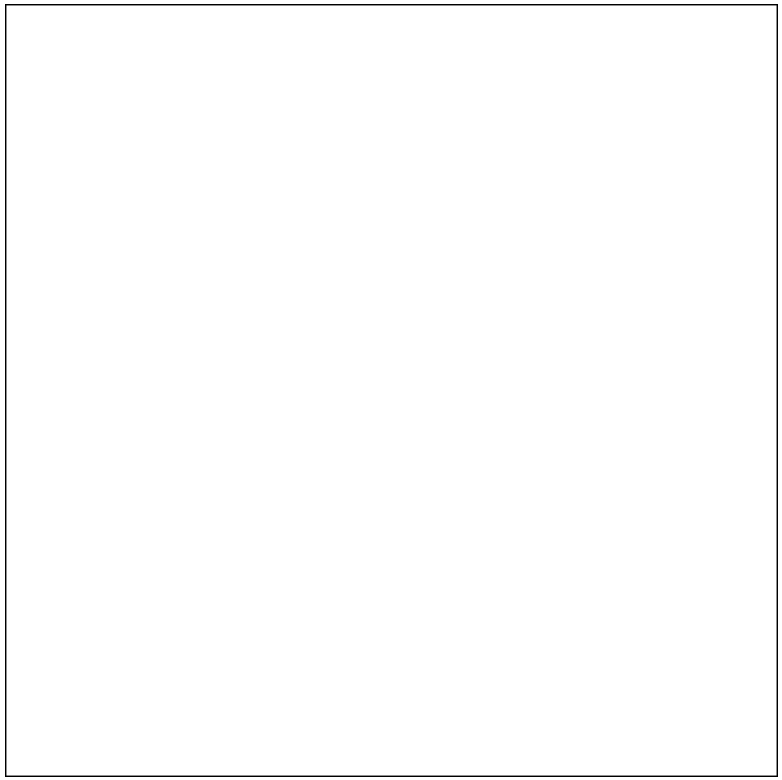

Vài người hành khách mua nước và đồ ăn vặt.
Những người không có tiền, như tôi, thì ngồi yên.

. . .

Noen få passasjerer kjøpte noe å drikke, andre kjøpte små snacks som de begynte å tygge på. De som ikke hadde noen penger, som jeg, bare så på.

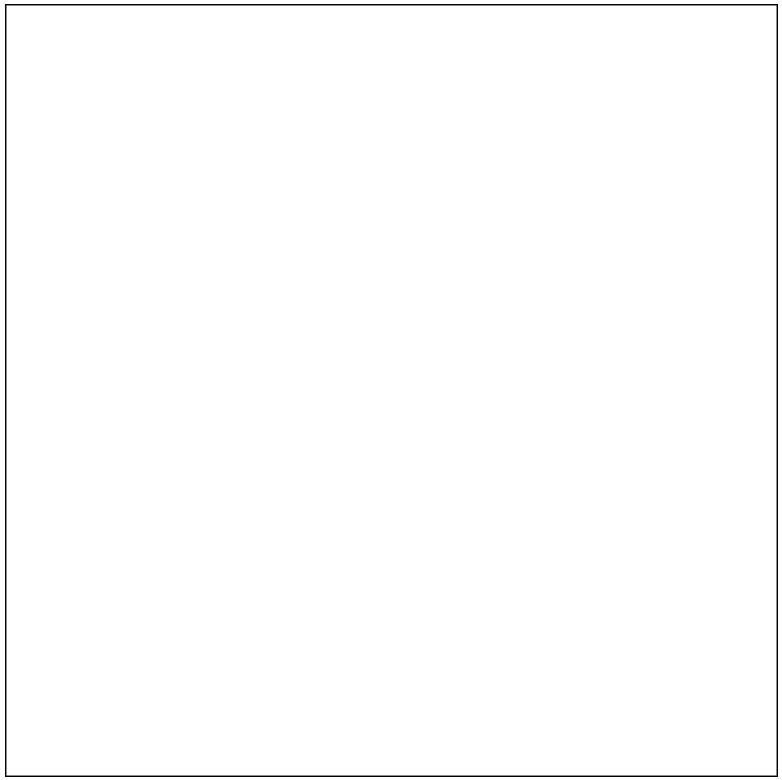

Tiếng còi xe cắt ngang mọi hoạt động, báo hiệu xe sắp chuyển bánh. Người soát vé bảo những người bán hàng rong ra khỏi xe.

. . .

Disse aktivitetene ble avbrutt av tutingen til bussen, et tegn på at vi var klare til å dra. En medhjelper ropte at gateselgerne måtte komme seg ut.

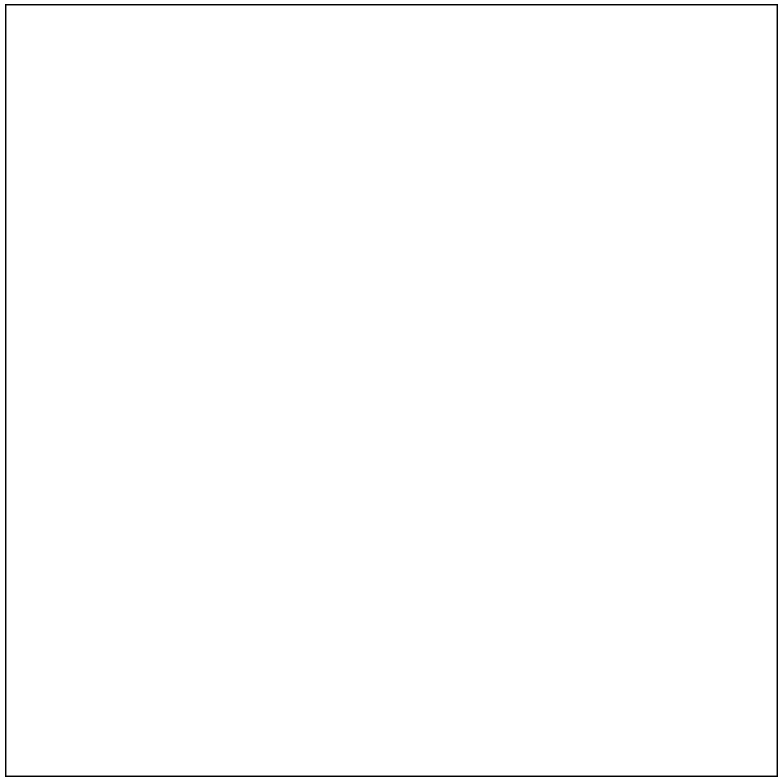

Họ trả tiền thối cho khách và chen nhau đi ra khỏi xe. Vài người ráng nán lại bán hàng.

. . .

Gateselgere dyttet hverandre for å komme seg ut av bussen. Noen ga tilbake vekslepenger til de reisende. Andre forsøkte i siste liten å selge noen flere varer.

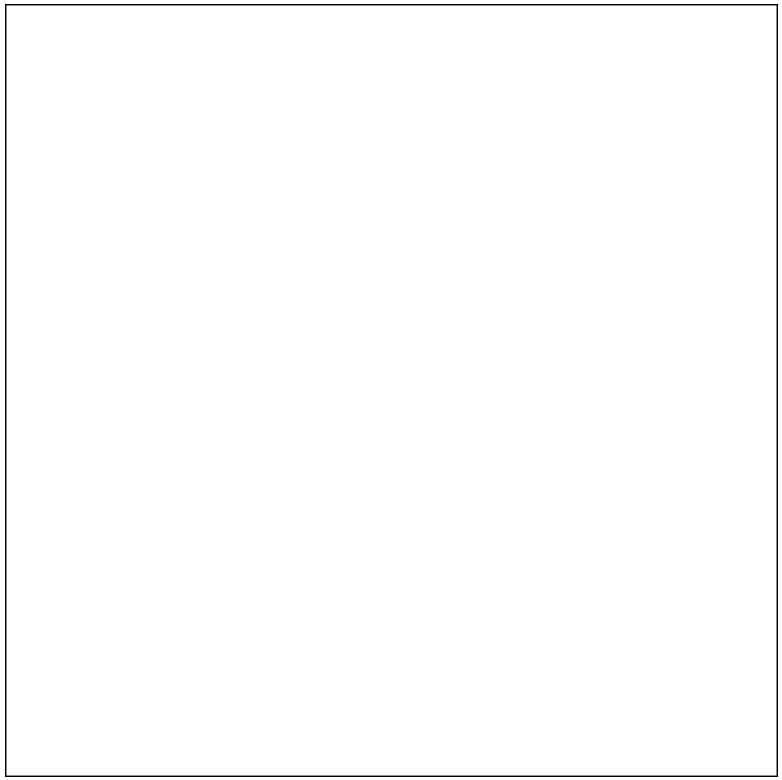

Khi xe rời khỏi bến đỗ, tôi nhìn ra cửa sổ, tự nhủ tới khi nào tôi được về thăm làng tôi.

. . .

Idet bussen forlot busstasjonen, stirret jeg ut av vinduet. Jeg lurte på om jeg noensinne skulle komme tilbake til landsbyen min igjen.

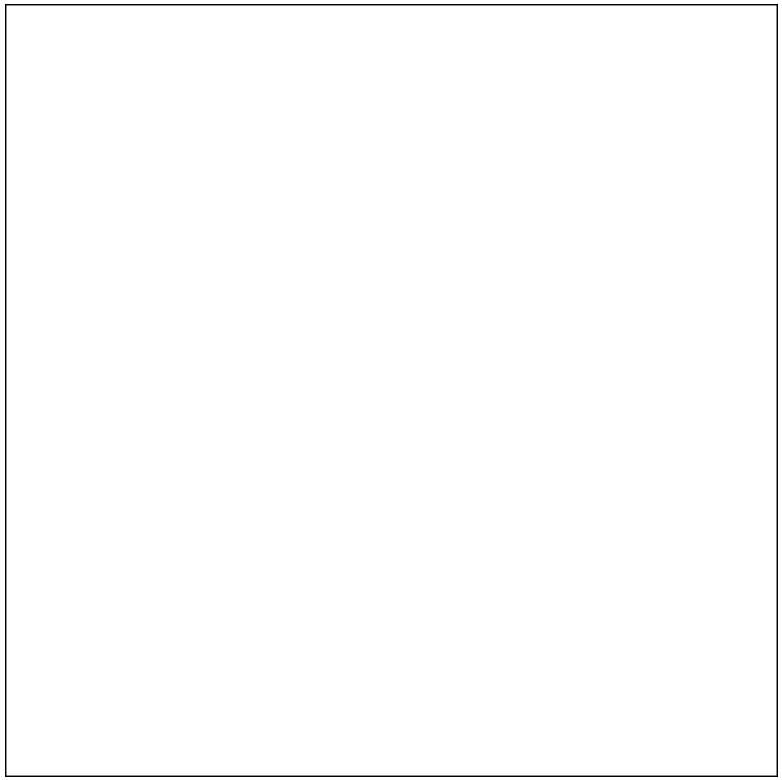

Xe trở nên nực hơn. Tôi nhắm tịt mắt, cố gắng đi ngủ.

. . .

Etter hvert som reisen fortsatte ble det veldig varmt i bussen. Jeg lukket øynene og håpet å få sove.

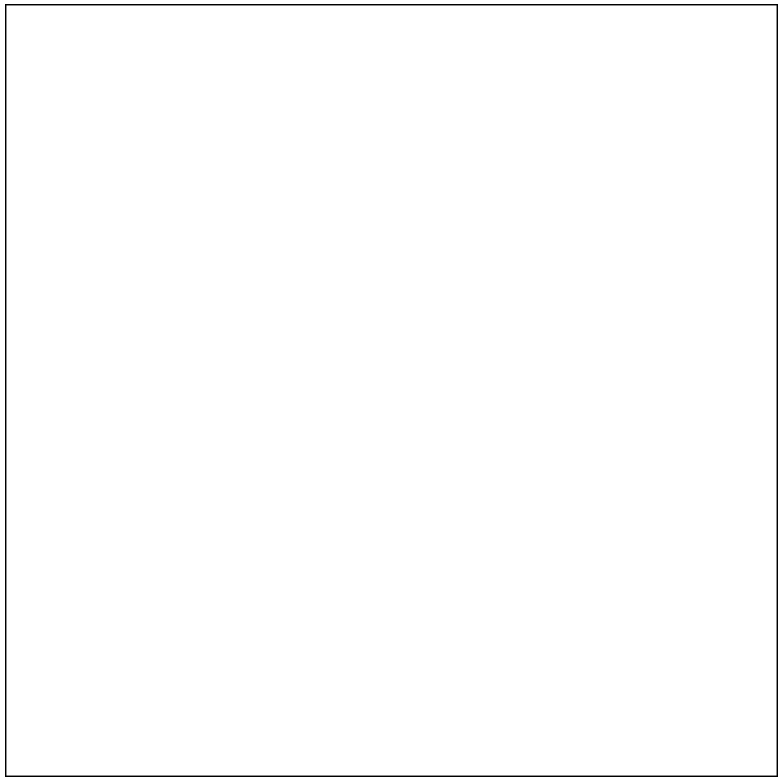

Nhưng tâm trí tôi hiện lên hình ảnh nhà tôi. Liệu mẹ tôi có ổn? Những con thỏ có bán được không? Em trai tôi sẽ nhớ tưới cây chứ?

. . .

Men tankene mine vandret hjem. Kommer moren min til å bli trygg? Kommer kaninene mine til å innbringe noen penger? Kommer broren min til å huske å vanne de nyutsprungne trærne mine?

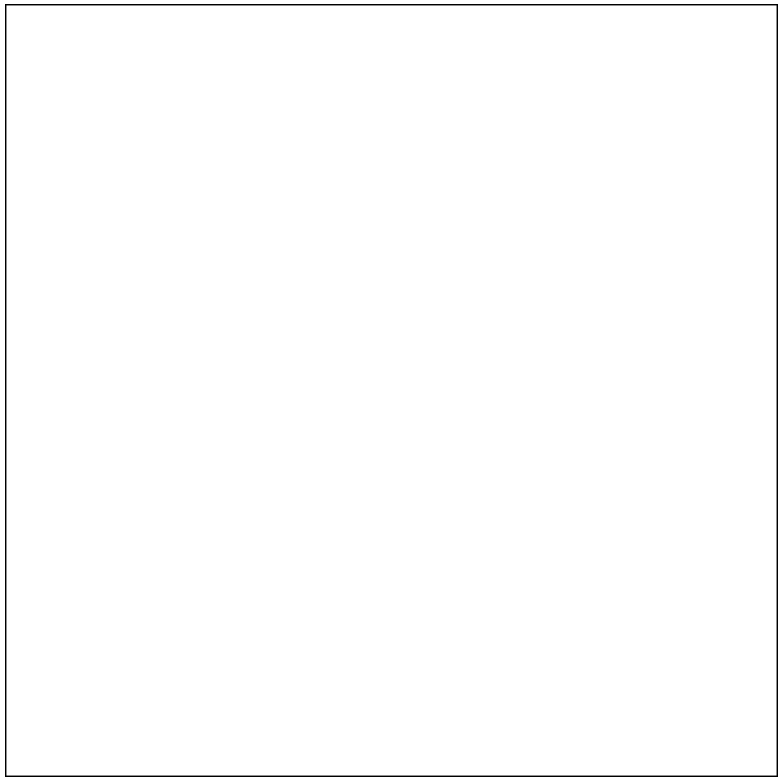

Trên đường đi, tôi cố nhớ nơi ở cúa chú tôi ở thành phố. Tôi vẫn lẩm bẩm địa chỉ trong giấc ngủ cuả tôi.

. . .

På veien lærte jeg meg utenat navnet på stedet i den store byen der onkelen min bodde. Jeg mumlet fortsatt da jeg falt i søvn.

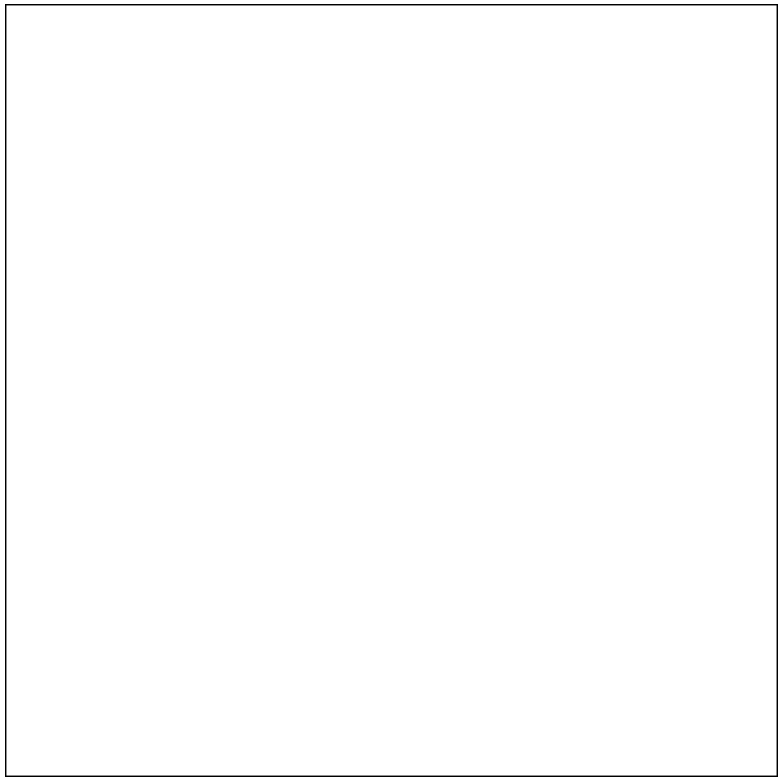

Chín tiếng sau, tôi bật dậy bởi tiếng gọi khách cho chuyến đi trở về làng tôi. Tôi nhanh chóng vác túi và ra khỏi xe buýt.

. . .

Ni timer senere våknet jeg av høylytt banking og roping etter passasjerer som skulle tilbake til landsbyen min. Jeg grep fatt i den lille veska mi og hoppet ut av bussen.

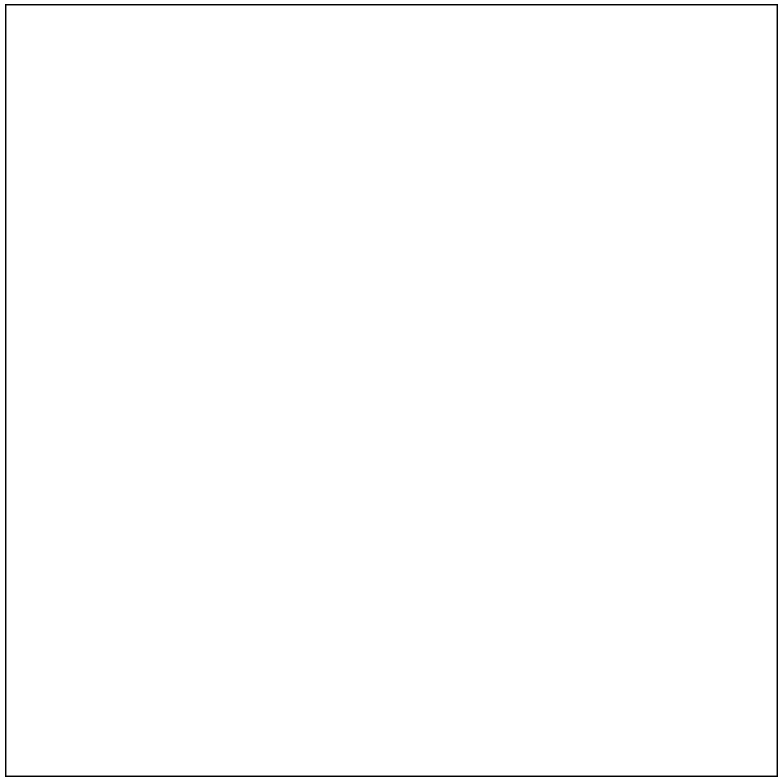

Chiếc buýt nhanh chóng đầy người, chuẩn bị đi về lại hướng Đông. Việc tôi cần làm bây giờ là tìm chú tôi thôi.

. . .

Bussen som skulle tilbake ble fylt opp fort. Det viktigste for meg nå var å begynne å lete etter huset til onkelen min.

Barnebøker for Norge

barneboker.no

Ngày tôi rời khỏi thành phố

Den dagen jeg dro hjemmefra for å dra til byen

Skrevet av: Lesley Koyi, Ursula Nafula
Illustret av: Brian Wambi
Oversatt av: Nana Trang (vi), Espen Stranger-Johannessen (nb)

Denne fortellingen kommer fra African Storybook (africanstorybook.org) og er videreformidlet av Barnebøker for Norge (barneboker.no), som tilbyr barnebøker på mange språk som snakkes i Norge.

Dette verket er lisensiert under en Creative Commons
Navngivelse 4.0 Internasjonal Lisens.